

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 -2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng H - Kiểm sát Viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 928/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về Việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thúy H1, sinh năm 1989.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ C, Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H1, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Thúy H1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xảy ra những xung đột, bất hòa về tình cảm vợ chồng, cũng như tất cả các mối quan hệ sinh hoạt hàng ngày. Năm 2017 chị phát hiện anh T ngoại tình nhưng vì con cái nên đã nhường nhịn nhau bỏ qua. Cho đến năm 2022 trở đi anh chị

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống nhiều năm nhưng anh T không thể đăng ký kết hôn được với chị H1 lý do anh T có một đời vợ và có một đứa con riêng đang chung sống với anh chị. Ngày 22/7/2023 anh chị cãi nhau và anh T đã đuổi chị đi và làm giấy cam kết anh chị không còn là vợ chồng có mặt gia đình hai bên làm chứng và có chữ ký anh chị và hai bên gia đình. Kể từ ngày 22/7/2023 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 10/12/2010, cháu Nguyễn Thảo T1, sinh ngày 16/7/2013, cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 26/5/2018.

Kể từ sau khi ly thân vào năm 2023, chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo T2, anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V và cháu Nguyễn Trọng P.

Chị H1 yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo T1. Anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V, cháu Nguyễn Trọng P. Chị H1 không cấp dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị H1 và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ về thông báo thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm Vyệc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt, không có lời khai của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Vyệc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vyệc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về Vyệc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Hồ Thị Thúy H1.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Thúy H1, giao cháu Nguyễn Thảo T1 cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn

Tường V, cháu Nguyễn Trọng P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T3, chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung : Chị H1 yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận nên không xét.

Về nợ chung : Chị H1 khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

- Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H1. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh T3.

- Quan hệ pháp luật: Chị Hồ Thị Thúy H1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Nguyễn Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn”.

- Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thúy H1 và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2010, thời điểm này anh chị đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là V phạm quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Việc chị H1, anh T chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 01/01/2001 mà không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về Việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm V1, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do anh T không tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Hồ Thị Thúy H1 yêu cầu không công nhận chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H1 và anh T có 03 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 10/12/2010, cháu Nguyễn Thảo T1, sinh ngày 16/7/2013, cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 26/5/2018.

Chị H1 yêu cầu chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo T1, Anh T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V và cháu Nguyễn Trọng P. Chị H1 không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Nguyễn Bảo T2 và cháu Nguyễn Tường V đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến: Cháu T2 có nguyện vọng được sống với chị H1, cháu V có nguyện vọng được sống với anh T3. Riêng cháu Nguyễn Trọng P, chị H1 yêu cầu anh T3 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T3 không có ý kiến trình bày đến Tòa án về Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy từ năm 2023 anh chị ly thân cháu Nguyễn Trọng P và cháu Nguyễn Tường V sinh sống cùng với anh T3, do anh T3 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vì vậy, giao cháu Nguyễn Bảo T2 cho chị Hồ Thị Thúy H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Tường V và cháu Nguyễn Trọng P cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị H1 không cấp dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Tài sản chung: Chị H1, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung : Chị H1 khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Hồ Thị Thúy H1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 14, 15, 16, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về Việc thi hành Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Thúy H1, tuyên bố không công nhận chị Hồ Thị Thúy H1 và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo T1, sinh ngày 16/7/2013 cho chị Hồ Thị Thúy H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Tường V,

sinh ngày 10/12/2010 và cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 25/6/2018 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời chị Hồ Thị Thúy H1 và anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị H1, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Thúy H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008113 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

5. Chị Hồ Thị Thúy H1 và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên